

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST
Ngày 20-7-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lil

Ông Nguyễn Văn Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 297/2021/TLST-DS, ngày 29 tháng 11 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 4, xã LĐĐA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hồ Huỳnh Tố H1, sinh năm 1982, địa chỉ: 45H, đường LD, khóm 77 phường 11, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu. Bà H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 18/7/2022 (vắng mặt).

- Đồng bị đơn: Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1963 (có mặt)

Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Anh Nguyễn N1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Anh Nguyễn N2, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Anh N2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đơn đề ngày 24/5/2022.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc L là ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1963; theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2022 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn N1 là ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1963; theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16/5/2022 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã LĐĐA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp 4, xã LĐĐA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Y: Bà Hồ Huỳnh Tổ H1, sinh năm 1982; địa chỉ: 45H, đường LD, khóm 77, phường 11, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu. Bà H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 18/7/2022 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y là bà Hồ Huỳnh Tổ H1 trình bày:

Ngày 14/02/2016 (âm lịch) ông Nguyễn Quốc N, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N1, anh Nguyễn N2 có thực hiện giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất cho ông K 40 công, không biết đất thừa số mấy, tờ bản đồ số mấy, đất tọa lạc tại ấp 2, xã LĐĐA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, giá 11,5 lượng vàng 24k, thời gian cố đất là một năm kể từ ngày 14/02/2016 (âm lịch), hai bên có lập Giấy tay cầm cố nhà và đất ngày 14/02/2016 (âm lịch), nhưng chỉ cố đất. Ông N giao vàng cho ông K và bà L nhận, biên nhận vàng được viết chung trong Giấy tay cầm cố nhà và đất.

Sau khi nhận cố đất xong thì ông K không canh tác mà cho ông N thuê lại giá 20.000.000 đồng/năm; thuê đất năm nào trả tiền năm đó, ông N đã trả cho ông K 10.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng. Việc thỏa thuận thuê đất chỉ nói miệng, không làm giấy tờ. Ông K yêu cầu ông N trả tiền thuê đất còn nợ 10.000.000 đồng nhưng ông N không trả nên hai bên đã chấm dứt việc thuê đất vào năm 2017.

Phần đất tranh chấp ông N sử dụng từ trước đến nay, chưa có lần nào ông N giao đất cho ông K canh tác, ông K không yêu cầu gì liên quan đến đất tranh chấp nên không yêu cầu đo đạc và định giá đất tranh chấp, chỉ yêu cầu ông N, bà L, anh N2, anh N1 trả cho ông và bà Nguyễn Thị Y 11,5 lượng vàng 24k, loại vàng lưu hành tại địa phương, yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố đất (Giấy tay cầm cố nhà và đất ngày 14/02/2016) vô hiệu.

Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông N với ông K thì hai bên đã chấm dứt việc thuê đất từ năm 2017 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số tiền 10.000.000 đồng tiền thuê đất ông N còn nợ ông K thì ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/01/2022 ông K có nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố đất vô hiệu. Nay ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ngày 04/11/2021.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc N, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn N1, bà Trần Ngọc L trình bày:

Ngày 16/4/2016 (âm lịch) ông, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N2, anh Nguyễn N1 có cầm cố nhà và đất cho ông Nguyễn Văn K giá 11,5 lượng vàng 24k, thời hạn cố đất 01 năm, diện tích khoảng 40 công, tọa lạc tại ấp 2, xã LĐĐA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, thực tế thì chỉ cố đất chứ không cầm cố nhà. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh Nguyễn N2 đã thế chấp cho người khác để vay tiền nên ông

không cung cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nhớ phần đất cầm cố tại thửa đất số mấy, tờ bản đồ số mấy.

Sau khi hai bên thỏa thuận cầm cố đất xong thì ông K không canh tác mà thỏa thuận miệng cho ông thuê lại, giá thuê mỗi năm là 20.000.000 đồng/40 công đất; trả tiền thuê đất hàng năm.

Sau khi thuê đất thì ông trả tiền cho ông K năm 2017, năm 2018 là mỗi năm là 20.000.000 đồng; từ năm 2019 đến năm 2020 thì ông K lên giá thuê mỗi năm là 30.000.000 đồng; năm 2020 thì ông còn nợ ông K tiền thuê đất là 5.000.000 đồng nên hai bên phát sinh tranh chấp; ông K yêu cầu ông giao đất cho ông K canh tác nhưng ông không đồng ý. Hai bên đã chấm dứt việc thuê đất vào năm 2020; gia đình ông sử dụng đất từ khi cầm cố đất cho đến nay, không giao đất cho ông K sử dụng.

Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông và ông K thì đã chấm dứt vào năm 2020 nên ông không yêu cầu giải quyết; đối với tiền thuê đất đã trả cho ông K thì ông cũng không yêu cầu gì.

Việc cầm cố đất cho ông K là gia đình ông cùng thực hiện giao dịch, số vàng cố đất dùng chung cho sinh hoạt trong gia đình nên ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông K yêu cầu ông, bà L, Nguyễn N1 và Nguyễn N2 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông K, bà Y 11,5 lượng vàng 24k, loại vàng lưu hành tại địa phương.

Phần đất cầm cố gia đình ông sử dụng từ trước đến nay, ông K không yêu cầu gì liên quan đến đất cầm cố nên ông không yêu cầu đo đạc và định giá đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn N2 trình bày tại Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 24/5/2022: Anh hoàn toàn thống nhất với phần trình bày của ông Nguyễn Quốc N, do bận công việc tại Công ty thép Tuệ Minh nên không có thời gian tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện H. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết vụ án vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, 35, 39, 227, 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 123, 131 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167, 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tuyên bố Hợp đồng cầm cố nhà và đất (Giấy tay cầm cố nhà và đất) ngày 14/02/2016 (âm lịch) vô hiệu.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. Buộc ông Nguyễn Quốc N, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N2, anh Nguyễn N1 trả cho ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Y 11,5 lượng vàng 24k, loại vàng lưu hành tại địa phương.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản số tiền 500.000 đồng ông N, bà L, anh N1 và anh N2 phải chịu; ông K đã nộp xong, buộc ông N, bà L, anh N1 và ông N2 nộp số tiền 500.000 đồng để trả cho ông K.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch buộc ông N, bà L, anh N1, anh N2 phải chịu số tiền 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông N, bà L, anh Nguyễn N1 và anh Nguyễn N2 phải chịu số tiền 28.315.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông K tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn K tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Quốc N, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N1, anh Nguyễn N2, các bị đơn cư trú tại ấp 2, xã LĐĐA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Y là bà Hồ Huỳnh Tố H1, bà H1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà L, anh Nguyễn N1 vắng mặt do có ủy quyền cho ông N tham gia tố tụng; anh Nguyễn N2 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

[1.3] Tại Đơn khởi kiện ngày 04/11/2021 ông K yêu cầu ông N, bà L, anh N1, anh N2 trả 11,5 lượng vàng 24k và yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố nhà, đất ngày 14/02/2016 (âm lịch) vô hiệu; tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 14/01/2022 ông K rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố nhà, đất vô hiệu; tại Bản tự khai ngày 18/7/2022 bà H1 xác định ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ngày 04/11/2021.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông K không vượt phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của ông K yêu cầu ông N, bà L, anh N1, anh N2 cùng có trách nhiệm trả cho ông và bà Y 11,5 lượng vàng 24k; yêu cầu tuyên bố Giấy tay cầm cố nhà và đất ngày 14/02/2016 (âm lịch) vô hiệu.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cũng như sự thừa nhận của ông N tại phiên tòa, có căn cứ xác định ông N, bà L, anh N1, anh N2 có cầm cố cho ông K 40 công đất tọa lạc tại ấp 2, xã LDDA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, giá 11,5 lượng vàng 24k; hai bên có làm Giấy tay cầm cố nhà và đất ngày 14/02/2016, thực tế thì hai bên chỉ cầm cố đất. Xét thấy, đây là sự thừa nhận của các đương sự nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét tính pháp lý của Giấy tay cầm cố nhà và đất ngày 14/02/2016 (âm lịch) thì thấy rằng hai bên cầm cố đất có làm giấy tay. Tuy nhiên, theo Điều 167 của Luật đất đai năm 2013 quy định các hình thức chuyển giao quyền sử dụng đất thì không có giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất nên giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông K với ông N, bà L, anh N1, anh N2 đã vi phạm về mặt hình thức và điều cấm của luật nên bị vô hiệu kể từ thời điểm xác lập theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu là không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch dân sự được xác lập; các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Xét thấy: Ông N, bà L, anh N1 và anh N2 đã nhận của ông K, bà Y 11,5 lượng vàng 24k nên ông N, bà L, anh N1, anh N2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông K, bà Y 11,5 lượng vàng 24k, loại vàng lưu hành tại địa phương, đối với phần đất cầm cố thì các bên đương sự đều xác định gia đình ông N sử dụng, không giao đất cầm cố cho ông K và ông K cũng không yêu cầu gì liên quan đến phần đất cầm cố nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với phần đất cầm cố.

Ông N xác định số vàng cố đất cho ông K là dùng để sử dụng trong gia đình, ông N đồng ý ông, bà L, anh N1, anh N2 cùng có trách nhiệm trả cho ông K, bà Y 11,5 lượng vàng 24k, loại vàng lưu hành tại địa phương nên buộc ông N, bà L, anh N1, anh N2 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông K, bà Y 11,5 lượng vàng 24k, loại vàng lưu hành tại địa phương là phù hợp.

[3] Đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất (thỏa thuận miệng) giữa ông K với ông N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H1 xác định ông K và ông N chấm dứt thuê đất vào năm 2017, còn ông N xác định chấm dứt thuê đất vào năm 2020, tuy nhiên đến thời điểm khởi kiện thì đã chấm dứt việc thuê đất. Mặt khác, số tiền thuê đất hai bên đương sự xác định cũng không thống nhất với nhau. Tuy nhiên, bà H1, ông N đều không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và số tiền thuê đất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp số tiền 500.000 đồng ông N, bà L, anh N1, anh N2 phải chịu; ông K đã nộp xong nên buộc ông N, bà L, anh N1, anh N2 phải nộp 500.000 đồng để trả lại cho ông K.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch buộc ông N, bà L, anh N2, anh N1 nộp số tiền 300.000 đồng, nộp tại chi Cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông N, bà L, anh N1 và anh N2 phải chịu số tiền 28.315.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí, ông K đã nộp tạm ứng án phí (bà Hồ Huỳnh Tố H1 nộp thay) số tiền 1.499.000 đồng theo biên lai thu số 0001860 và 13.479.000 đồng theo biên lai thu số 0001862 cùng ngày 29/11/2021, tổng cộng 14.978.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được nhận lại số tiền 14.978.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 227, 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; Điều 123, 131 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với ông Nguyễn Quốc N, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N2, anh Nguyễn N1.

- Tuyên bố Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất (Giấy tay cầm cố nhà và đất ngày 14/02/2016, âm lịch) vô hiệu.

- Buộc ông Nguyễn Quốc N, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N1, anh Nguyễn N2 trả cho ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Y 11,5 lượng vàng 24k, loại vàng lưu hành tại địa phương.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản số tiền 500.000 đồng buộc ông Nguyễn Quốc N, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N1, anh Nguyễn N2 phải chịu; ông Nguyễn Văn K đã nộp xong nên buộc ông Nguyễn Quốc N, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N1, anh Nguyễn N2 nộp 500.000 đồng để trả cho ông Nguyễn Văn K.

3. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch buộc ông Nguyễn Quốc N, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N1, anh Nguyễn N2 phải chịu số tiền 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Nguyễn Quốc N, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N1 và anh Nguyễn N2 phải chịu số tiền 28.315.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí, ông K đã nộp tạm ứng án phí (bà Hồ Huỳnh Tố H1 nộp thay) số tiền 1.499.000 đồng theo biên lai thu số 0001860 và 13.479.000 đồng theo biên lai thu số 0001862 cùng ngày 29/11/2021, tổng cộng 14.978.000 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được nhận lại số tiền 14.978.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc N, bà Trần Ngọc L, anh Nguyễn N2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự còn lại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

